

Bản án số 73/2023/HC-PT

Ngày 21 - 02 - 2023

V/v “*Khiếu kiện quyết định giải
quyết khiếu nại về đất đai*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án thụ lý số: 428/2022/TLPT-HC ngày 29 tháng 7 năm 2022 về “*Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại về đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2022/HC-ST ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1875/2022/QĐ-PT ngày 07 tháng 9 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 164/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 9 năm 2022; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2011/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 9 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 573/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 10 năm 2022; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2180/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 10 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 667/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 11 năm 2022 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 106/2023/QĐ-PT ngày 02 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1957 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện T1, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C: Ông Trần Hải C1, sinh năm 1976 (Theo Giấy ủy quyền ngày 08/12/2021) (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn T2, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Quảng Khoa T3- Luật sư Công ty Luật TNHH MTV X, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

- Bà Nguyễn Trương Hoài N- Luật sư Công ty Luật TNHH MTV X, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T4, tỉnh Ninh Thuận;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Xuân V- Chủ tịch (xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Nguyễn Trần T5- Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T7, tỉnh Ninh Thuận (xin vắng mặt);

- Ông Lê Xuân T6- Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện T7(xin vắng mặt).

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P1, huyện T7, tỉnh Ninh Thuận;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Xuân T8 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phước Minh, huyện T7, tỉnh Ninh Thuận (xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Thành T9- Công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường xã P1 (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn C là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Nguyễn Văn C có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Hải C1 trình bày:

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Thông báo số 10/TB-UBND ngày 14/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã P1, huyện T7, tỉnh Ninh Thuận về việc rà soát ý kiến phản ánh của ông Nguyễn Văn C tại dự án nhà máy điện mặt trời P2 (địa giới hành chính xã P1);

- Hủy Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 của Chủ tịch UBND xã P1, huyện T7, tỉnh Ninh Thuận về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn C, địa chỉ thường trú: Thôn T, xã P, huyện T1, tỉnh Ninh Thuận;

- Hủy Quyết định số 1251/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện T7, tỉnh Ninh Thuận về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn C (lần 2).

Lý do và căn cứ khởi kiện:

Năm 1985, ông Nguyễn Văn C làm công nhân Nông trường bông Q và có khai hoang một mảnh đất với diện tích khoảng 2ha (Theo bản đồ địa chính xã cung cấp là thửa số 32a (diện tích 4.295,8m²), thửa số 32 (diện tích 12.373,3m²) và thửa số 268c (diện tích 4.205,3m²), sản xuất nông nghiệp đến năm 1998, vì điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt nên ông C tạo ranh rào lại để trồng cỏ chăn nuôi bò, cừu cho đến nay. Đến năm 2017, ông C đến UBND xã P1 đăng ký làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) và được UBND xã trả lời bằng Công văn số 155/UBND-NC ngày 20/6/2017 đề nghị Văn phòng Đăng ký đất đai Ninh Thuận - Chi nhánh Thuận Nam xem xét đo đạc diện tích đất trên. Ngoài văn bản trên ông C còn có “Đơn đề nghị” có chữ ký xác nhận của những hộ có đất xung quanh (những hộ này đã được cấp GCNQSDĐ).

Đến khoảng tháng 02/2018, dự án nhà máy điện mặt trời P2 do Công ty Cổ phần công nghiệp năng lượng N1 làm chủ đầu tư có phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho ông C biết diện tích đất của hộ ông C nằm trong dự án khoảng 7,5ha. Nhưng chưa thống nhất được phương án bồi thường hỗ trợ, thì đã tự ý đưa máy ủi đến san ủi và thi công trên phần đất của gia đình ông C. Ông C ngăn lại với lý do chưa giải quyết việc bồi thường, gia đình ông C chưa giao đất. Phía Công ty cho rằng họ được Nhà nước giao đất chứ không hề lấn chiếm đất của gia đình ông C. Ông C trình báo với UBND xã P1 thì bất ngờ nhận được Thông báo số 10/TB-UBND ngày 14/02/2020 của Chủ tịch UBND xã P1 có nội dung là đất này do xã quản lý. Ông C rất ngạc nhiên vì trước đó chính UBND xã P1 đã có Công văn số 155/UBND-NC ngày 20/6/2017 về quá trình xác minh rà soát lại vụ việc, UBND xã có ý kiến như sau: “*Căn cứ khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013... kiến nghị Văn phòng Đăng ký đất đai Ninh Thuận - Chi nhánh Thuận Nam xem xét tiến hành đo đạc diện tích đất trên cho ông Nguyễn Văn C...*”. Nay, UBND xã P1 lại tự ý điều chỉnh ý kiến của mình một cách vô căn cứ, gây thiệt hại cho gia đình ông C.

Ông C khiếu nại Thông báo số 10/TB-UBND ngày 14/02/2020 của Chủ tịch UBND xã P1 thì Chủ tịch UBND xã P1 ra Quyết định giải quyết khiếu nại số 35/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 bác đơn khiếu nại của ông C. Ông C tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện T7 và Chủ tịch UBND huyện T7 ra Quyết định giải quyết khiếu nại số 1251/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 bác đơn khiếu nại của ông C.

Ông C khẳng định Quyết định giải quyết khiếu nại số 1251/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện T7 cũng như Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 của Chủ tịch UBND xã P1 là trái pháp luật bởi vì:

1. Nguồn gốc đất trên gia đình ông C sử dụng từ năm 1985 ổn định, và có đăng ký kê khai qua các thời kỳ từ năm 2005. Gia đình ông C đã được cấp giấy chứng nhận một phần, và phần còn lại được UBND xã P1 xác nhận bằng Công văn số 155/UBND-NC ngày 20/6/2017 về quá trình xác minh, rà soát lại vụ việc đề nghị cấp giấy chứng nhận của gia đình ông C. Sau khi dự án nhà máy điện mặt trời P2 được chấp thuận đầu tư thì Công ty Cổ phần công nghiệp năng lượng N1 ngang nhiên thi công trên đất của gia đình ông C thì ông C yêu cầu

dừng lại và đã thông báo cho UBND xã P1 và yêu cầu giải quyết. Ngày 14/02/2020, cán bộ Địa chính - Xây dựng xã và đại diện chủ đầu tư làm việc với ông C, sau đó Chủ tịch UBND xã P1 ra Thông báo số 10/TB-UBND ngày 14/02/2020 với nội dung thửa đất số 32a (diện tích 4.295,8m²), thửa số 32 (diện tích 12.373,3m²) và thửa số 268c (diện tích 4.205,3m²) thuộc tờ bản đồ địa chính số 8 xã P1, là đất do Nhà nước quản lý (UBND xã được chuyển giao từ Nông trường Q cũ từ khi thành lập đến khi thu hồi dự án nhà máy điện mặt trời P2) một cách cưỡng ép, vô căn cứ. Và cho rằng thửa đất trên đã được UBND tỉnh N1 giao cho chủ đầu tư dự án để thi công, nhưng gia đình ông C lại không biết đất của mình đã bị giao cho dự án từ lúc nào.

Trong quá trình làm việc với tổ xác minh của UBND xã P1, thì tổ xác minh cho ông C biết và thể hiện trong Biên bản làm việc số 04/BBLV ngày 05/3/2020 như sau:

“- Thửa đất số 268c, thửa đất số 32a, thửa đất số 32, nằm trong tờ bản đồ số 8 xã P1 quản lý, nhưng trong đó có đất màu và rất nhiều loại đất khác nhau...;

- Căn cứ Sổ mục kê đất đai xã P1 thì có ghi tên ông Nguyễn Văn C;

- Trong Bản mô tả kết quả đo đạc thửa đất của công trình, đơn vị đo đạc là Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) đo đạc và xây dựng B - N1 xác định người chỉ dẫn để đo vẽ thực địa thửa đất số 32a, 32 là bà Nguyễn Thị H1, thửa 268c là bà Nguyễn Thị N2.”

Công ty TNHH đo đạc và xây dựng B - N1 thực hiện việc đo đạc các thửa đất số 32a, 32, 268c, tờ bản đồ số 8, là thửa đất liền kề với thửa đất khác của ông C nằm trong dự án, nhưng lại không mời ông C tham gia đo vẽ (ít nhất là người làm chứng tứ cận) là có dấu hiệu vi phạm về trình tự thủ tục đo vẽ đất đai của các thửa liền kề. Như vậy bằng vẽ phục vụ cho việc thu hồi bồi thường về đất là không có sự chứng kiến, cũng như ký xác nhận về ranh giới liền kề là trái với quy định của pháp luật.

Như vậy, khẳng định người sử dụng đất khác nhau, thậm chí là rất mâu thuẫn với nhau... nhưng Hội đồng tư vấn đất đai xã P1 vẫn quy chủ các thửa đất số 32a, 32, 268c, tờ bản đồ số 8 mà ông C đang quản lý, sử dụng cho UBND xã quản lý. Bất chấp thực tế quá trình canh tác và sử dụng đất của gia đình ông C.

2. Gia đình ông C sử dụng diện tích tổng thể 7,5ha đất nông nghiệp có nguồn gốc sử dụng ổn định từ năm 1985 cho đến nay. Ông C chưa nhận được bất kỳ quyết định nào thu hồi đất. Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 05/02/2020 của UBND tỉnh N1 về thu hồi đất và cho Công ty Cổ phần công nghiệp năng lượng N1 thuê đất (đợt 4) tại xã Phước Ninh và xã P1, huyện T7 để thực hiện dự án nhà máy điện mặt trời P2 trong đó có đất của ông C là thửa đất số 32a (diện tích 4.295,8m²), thửa số 32 (diện tích 12.373,3m²) và thửa số 268c (diện tích 4.205,3m²) thuộc tờ bản đồ địa chính số 08, nhưng không thông báo cho ông C là trái pháp luật, đồng thời UBND huyện T7 cũng chưa ra quyết định thu hồi đất đối với ông C nếu chủ trương trên là đúng pháp luật.

Người bị kiện Chủ tịch UBND xã P1 trình bày:

Ông Hoàng Xuân T8 là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND xã P1 trình bày:

1. Nội dung vụ việc:

Ông Nguyễn Văn C có đơn gửi UBND xã P1 liên quan đến việc đơn vị thi công dự án nhà máy điện mặt trời P2 (đất thuộc địa giới hành chính xã P1) san ủi mặt bằng, thi công trong phạm vi đất của gia đình ông. Sau khi kiểm tra hiện trạng, xác định phạm vi, diện tích, hành vi của đơn vị thi công dự án, UBND xã P1 đã ban hành Thông báo số 10/TB-UBND ngày 14/02/2020 về việc rà soát ý kiến phản ánh của ông Nguyễn Văn C.

Không đồng ý nội dung Thông báo số 10/TB-UBND ngày 14/02/2020 của Chủ tịch UBND xã P1, ông Nguyễn Văn C có đơn khiếu nại và đã được Chủ tịch UBND xã P1 thụ lý tại Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 28/02/2020 và Thông báo số 14/TB-UBND ngày 28/02/2020.

Ngày 13/3/2020, Chủ tịch UBND xã P1 ban hành Quyết định số 35/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn C, nội dung: Công nhận Thông báo số 10/TB-UBND ngày 14/02/2020 của Chủ tịch UBND xã P1 là đúng; ông Nguyễn Văn C không phải là người đang sử dụng đất theo quy định tại Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 đối với diện tích các thửa đất số 32, 32a, 268c tờ bản đồ địa chính số 08 xã P1 là đất do Nhà nước quản lý, ông C chỉ được thống kê duy nhất tên chủ sử dụng trên thửa đất số 32, diện tích 5.535m² trong giai đoạn từ năm 2005-2007 nhưng không có quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, không cung cấp được giấy tờ pháp lý có liên quan để chứng minh nguồn gốc khai hoang các thửa đất số 32, 32a, 268c tờ bản đồ địa chính số 08 xã P1 với tổng diện tích 20.965,7m².

Sau đó, ông Nguyễn Văn C có đơn khiếu nại Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 của Chủ tịch UBND xã P1 về việc giải quyết khiếu nại của ông; đồng thời, yêu cầu công nhận quyền sử dụng, bồi thường, hỗ trợ đối với các thửa đất số 32, 32a và 268c, tờ bản đồ số 08 xã P1.

2. Đối chiếu hồ sơ lưu trữ về đất đai:

2.1. Vị trí khu đất: theo nội dung đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn C thuộc một phần các thửa đất số 05, 25, 31, 32, 52, 53 tờ bản đồ địa chính số 08 xã P1. Đối chiếu với bản đồ dự án nhà máy điện mặt trời P2: Khu đất ông Nguyễn Văn C khiếu nại bao gồm thửa đất số 32 diện tích 12.373,3m², thửa đất số 32a diện tích 4.295,8m², thửa đất số 268c diện tích 4.296,6m².

2.2. Theo Bản đồ địa chính xã P1 được đo vẽ tháng 4/1996 (Liên đoàn trắc địa địa hình), kiểm tra tháng 6/1996 và xác lập ngày 05/3/1999 (Sở Địa chính tỉnh Ninh Thuận): Thửa đất số 05, diện tích nguyên thửa 11.630m², thể hiện là loại đất hoang (Hg); thửa đất số 25, diện tích nguyên thửa 2.640m², thể hiện là loại đất màu (ĐM); thửa đất số 31, diện tích nguyên thửa 88.906m², thể hiện là loại đất màu (ĐM); thửa đất số 32, diện tích nguyên thửa 5.535m², thể

hiện là loại đất màu (ĐM); thửa đất số 52, diện tích nguyên thửa 773m^2 , thể hiện là loại đất hoang (Hg); thửa đất số 53, diện tích nguyên thửa 3.616m^2 , thể hiện là loại đất màu (ĐM).

2.3. Theo nội dung Sổ mục kê đất đai được rà soát và xác lập ngày 05/3/1999:

- Thửa đất số 05, 32, 52, 53 tên chủ sử dụng là Nông trường Q; thửa đất số 25, 31 là đất do UBND xã P1 quản lý;

- Thửa đất số 32, diện tích 5.535m^2 tờ bản đồ địa chính số 08 xã P1 tên chủ sử dụng đất ban đầu là Nông trường Q (có đối chiếu với Sổ mục kê đất đai lưu trữ tại Văn phòng Đăng ký đất đai Ninh Thuận), sau đó có người viết đề lên và ghi tên ông Nguyễn Văn C, tuy nhiên việc chỉnh lý nội dung tên chủ sử dụng đất trong Sổ mục kê đất đai lưu tại UBND xã P1 thực hiện chưa đúng theo quy định do cột ghi chú không ghi chú thích nội dung có thay đổi.

2.4. Hồ sơ xác lập chủ sử dụng đất đề nghị Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Nhà máy điện mặt trời P2 của gia đình ông C, gồm:

- Thông báo số 156/TB-UBND ngày 27/4/2018 của UBND huyện T7 về thông báo thu hồi đất của ông Nguyễn Văn C; diện tích đất dự kiến thu hồi: $7.947,5\text{m}^2$; thửa đất số 33 tờ bản đồ địa chính số 8 xã P1;

- Thông báo số 395/TB-UBND ngày 02/10/2018 của UBND huyện T7 về thông báo thu hồi đất của ông Nguyễn Văn C; diện tích đất dự kiến thu hồi: $6.984,0\text{m}^2$; thửa đất số 49 tờ bản đồ địa chính số 08 xã P1;

- Biên bản kiểm đếm ngày 16/10/2018 (do nhân viên Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện T7 lập có sự tham gia của công chức địa chính xã, Trưởng thôn Q 1, chủ đầu tư và ông Nguyễn Văn C) đối với thửa đất số 33 (diện tích $7.947,5\text{m}^2$) và thửa đất số 49 (diện tích 6.984m^2) tờ bản đồ địa chính số 08 xã P1;

- Tờ khai đất đai, tài sản của người có đất bị thu hồi tại dự án nhà máy điện mặt trời P2 tại xã P1 ngày 16/10/2018 (do ông Nguyễn Văn C tự kê khai và xác nhận đất đai, tài sản của người có đất bị thu hồi tại dự án);

- Biên bản họp xác định nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của Hội đồng tư vấn đất đai xã P1 kèm theo tài liệu, biên bản xác minh đất đai liên quan các thửa đất số 32a, 32, 268c, tờ bản đồ địa chính số 08 xã P1.

3. Kết quả xác minh, rà soát hồ sơ địa chính, căn cứ quy định pháp luật:

Các thửa đất số 32a, 32, 268c, tờ bản đồ địa chính số 08 xã P1 với tổng diện tích $20.965,7\text{m}^2$ có nguồn gốc do Nông trường Quốc doanh Q quản lý từ khi thành lập; đến năm 1996, Nông trường Quốc doanh Q giải thể. Ngày 22/12/1997, UBND tỉnh N1 ban hành Quyết định số 4169/QĐ-KT về việc thu hồi đất tại Nông trường Quốc doanh Q giao cho UBND huyện Ninh Phước và UBND xã Phước Nam (nay thuộc địa giới hành chính xã P1) quản lý.

Việc ông Nguyễn Văn C trình bày khai hoang năm 1985 là không phù hợp với nguồn gốc đất đã có trước khi thành lập Nông trường Quốc doanh Q; ông Nguyễn Văn C chỉ được thống kê duy nhất tên chủ sử dụng trên thửa đất số 32, diện tích 5.535m² trong quá trình thống kê đất đai giai đoạn từ năm 2005 - 2007 (trong Sổ mục kê đất đai xã P1) nhưng ông không có quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục (Ông C thừa nhận trong biên bản làm việc ngày 04/3/2020, kết quả rà soát hồ sơ lưu trữ về đất đai tại tờ bản đồ địa chính số 08).

Từ năm 2014 - 2017, ông Nguyễn Văn C có Phiếu yêu cầu trích đo các thửa đất số 05, 25, 32 (thửa gốc của các thửa 32a, 32, 268c) tờ bản đồ địa chính số 08 với tổng diện tích 9.000m² nhưng Văn phòng Đăng ký đất đai Ninh Thuận - Chi nhánh Thuận Nam không thực hiện được và trả hồ sơ do phát sinh chồng lấn, tranh chấp với diện tích đất do hộ Nguyễn Thị M, Thị Phấn C2 yêu cầu đo đạc, quy chủ. Do đó, ông C không phải là người đang sử dụng đất theo quy định tại Điều 101 Luật Đất đai năm 2013.

Từ đầu năm 2018 đến trước tháng 02/2020, trong quá trình UBND huyện, xã triển khai công tác giải phóng mặt bằng tại dự án nhà máy điện mặt trời P2, ông Nguyễn Văn C hoàn toàn không thực hiện kê khai đề nghị thu hồi các thửa đất số 32a, 32, 268c, tờ bản đồ địa chính số 08; không có đơn thư liên quan đến diện tích các thửa đất trên trong thời gian các cơ quan cấp huyện, xã thực hiện công tác giải phóng mặt bằng và giải quyết khiếu nại, tranh chấp đất đai liên quan đến các thửa đất nêu trên. Ngoài ra, ông Nguyễn Văn C không phối hợp cung cấp giấy tờ pháp lý có liên quan (theo quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ) và không thực hiện kê khai đăng ký đất đai (tại vị trí các thửa đất số 05, 25, 31, 32, 52, 53) tờ bản đồ địa chính số 08 xã P1 chứng minh nguồn gốc khai hoang, quá trình sử dụng các thửa đất.

Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 05/02/2020 của UBND tỉnh N1 về việc thu hồi đất và cho Công ty Cổ phần công nghiệp năng lượng N1 thuê đất (đợt 4) tại xã Phước Ninh và Phước Minh, huyện T7 để thực hiện dự án nhà máy điện mặt trời P2: *Điều 1. Thu hồi diện tích 57.789,9m² đất do UBND xã P1 quản lý; đồng thời cho Công ty Cổ phần công nghiệp năng lượng N1 thuê (đợt 4) với diện tích 69.813,4m² (trong đó: 57.782,9m² đất do UBND xã P1 quản lý đã thu hồi nêu trên và 12.030,5m² đất của hộ gia đình, cá nhân sử dụng, đã bồi thường và bàn giao mặt bằng) tại xã Phước Ninh và Phước Minh, huyện T7 để thực hiện dự án nhà máy điện mặt trời P2.*

Xác định diện tích các thửa đất số 32a, 32, 268c, tờ bản đồ địa chính số 08 xã P1 nằm trong danh sách các thửa đất do Nhà nước quản lý có tổng diện tích 57.782,9m² đã được UBND tỉnh thu hồi và giao cho Công ty Cổ phần công nghiệp năng lượng N1 thuê để thực hiện dự án nhà máy điện mặt trời P2 tại Quyết định nêu trên.

4. Từ kết quả kiểm tra, xác minh các thông tin, tài liệu có liên quan, quy định pháp luật về đất đai và kết quả đối thoại, Chủ tịch UBND xã P1 đã ban

hành ban hành Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn C như sau:

- Công nhận nội dung Thông báo số 10/TB-UBND ngày 14/02/2020 của Chủ tịch UBND xã P1 về việc rà soát ý kiến phản ánh của ông Nguyễn Văn C tại dự án nhà máy điện mặt trời P2 (địa giới hành chính xã P1) là đúng;

- Lý do: Ông Nguyễn Văn C không phải là người đang sử dụng đất theo quy định tại Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 trên cơ sở diện tích các thửa đất số 32a, 32, 268c, tờ bản đồ địa chính số 08 xã P1 là đất do Nhà nước quản lý. Ông Nguyễn Văn C chỉ được thống kê duy nhất tên chủ sử dụng trên thửa đất số 32, diện tích 5.535m² trong giai đoạn từ năm 2005 - 2007 nhưng không có quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục trên đất; không cung cấp được giấy tờ pháp lý có liên quan để chứng minh nguồn gốc khai hoang các thửa đất số 32a, 32, 268c, tờ bản đồ địa chính số 08 xã P1 với tổng diện tích 20.965,7m².

Do vậy, UBND xã P1 không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu của người khởi kiện.

Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện T1 trình bày:

Căn cứ vào các văn bản đã gửi Tòa án và tại phiên tòa, ông Lê Xuân T6 là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày:

Vị trí khu đất theo nội dung đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn C thuộc một phần các thửa đất số 05, 25, 31, 32, 52, 53 tờ bản đồ địa chính số 08 xã P1. Đối chiếu với bản đồ dự án nhà máy điện mặt trời P2 cho thấy: Khu đất ông C khiếu nại bao gồm thửa đất số 32 diện tích 12.373,3m², thửa đất số 32a diện tích 4.295,8m², thửa đất số 268c diện tích 4.296,6m² tờ bản đồ dự án.

Theo Bản đồ địa chính xã P1: Thửa đất số 05, diện tích nguyên thửa 11.630m², thể hiện là loại đất hoang (Hg); thửa đất số 25, diện tích nguyên thửa 2.640m², thể hiện là loại đất màu (ĐM); thửa đất số 31, diện tích nguyên thửa 88.906m², thể hiện là loại đất màu (ĐM); thửa đất số 32, diện tích nguyên thửa 5.535m², thể hiện là loại đất màu (ĐM); thửa đất số 52, diện tích nguyên thửa 773m², thể hiện là loại đất hoang (Hg); thửa đất số 53, diện tích nguyên thửa 3.616m², thể hiện là loại đất màu (ĐM).

Theo nội dung Sổ mục kê đất đai: Thửa đất số 05, 52, 53 tên chủ sử dụng là Nông trường Q; thửa đất số 25, 31 là đất do UBND xã P1 quản lý; thửa đất số 32 tên chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn C.

Thửa đất số 32, diện tích 5.535m² tờ bản đồ địa chính số 08 xã P1 tên chủ sử dụng đất ban đầu là Nông trường Q (có đối chiếu với Sổ mục kê đất đai lưu trữ tại Văn phòng Đăng ký đất đai Ninh Thuận), sau đó có người viết đè lên và ghi tên ông Nguyễn Văn C, tuy nhiên việc chỉnh lý nội dung tên chủ sử dụng đất trong Sổ mục kê đất đai lưu tại UBND xã P1 thực hiện chưa đúng theo quy định do cột ghi chú không ghi chú thích nội dung có thay đổi.

Kết quả xác minh, rà soát hồ sơ cho thấy trước năm 1981, khu vực đất theo nội dung đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn C do các hộ người Chăm khai

hoang; từ năm 1981 đến năm 1996 (thời điểm Nông trường Q giải thể), diện tích đất này thuộc Đội 4 của Nông trường Q, do đất xấu nên không có ai canh tác, chỉ dùng làm đường đi, thời điểm đó ông C đang làm công nhân cho Nông trường Q, do vậy việc ông C cho rằng đất có nguồn gốc do ông khai hoang năm 1985 là không có cơ sở. Từ năm 1996 đến thời điểm thực hiện dự án nhà máy điện mặt trời P2, diện tích đất này do UBND xã P1 quản lý, không có hộ dân nào canh tác, sử dụng. Trong quá trình UBND xã P1 quản lý, hộ bà Nguyễn Thị M và hộ bà Thị Phấn C2 tự ý đến ranh rào để canh tác nông nghiệp (trồng bắp, đậu ván, bo bo), việc sử dụng đất của 02 hộ này không liên tục do phụ thuộc vào thời tiết do vậy không đủ điều kiện để công nhận quyền sử dụng đất. Khi thực hiện dự án nhà máy điện mặt trời P2, hộ bà M và hộ bà C2 được Nhà nước hỗ trợ công khai hoang và các hộ này đã bàn giao đất để thực hiện dự án. Thời điểm đó, ông Nguyễn Văn C không có hồ sơ tranh chấp quyền sử dụng đất với hộ bà Nguyễn Thị M và hộ bà Thị Phấn C2 tại vị trí đất này.

Đồng thời, ông C không cung cấp được các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, không thực hiện kê khai đăng ký đất đai tại vị trí các thửa đất số 05, 25, 31, 32, 52, 53 tờ bản đồ địa chính số 08 xã P1 theo quy định, đồng thời theo kết quả xác minh, rà soát hồ sơ và báo cáo của UBND xã P1, ông Nguyễn Văn C không phải là người đang sử dụng các thửa đất trên theo quy định tại Điều 101 Luật Đất đai năm 2013.

Từ kết quả kiểm tra, rà soát hồ sơ, căn cứ quy định pháp luật hiện hành thì Chủ tịch UBND xã P1 ban hành Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn C là đúng thẩm quyền, nội dung giải quyết đúng quy định pháp luật. Việc ông C khiếu nại nội dung Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 của Chủ tịch UBND xã P1 là không có cơ sở.

Do vậy, Chủ tịch UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1251/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn C (lần 2) với nội dung: “1. Công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 của Chủ tịch UBND xã P1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn C, cư ngụ Thôn T, Phước Ninh, huyện T7 là đúng thẩm quyền, nội dung giải quyết đúng quy định pháp luật. 2. Yêu cầu ông Nguyễn Văn C, cư ngụ Thôn T, xã Phước Ninh, huyện T7 thực hiện theo nội dung Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 của Chủ tịch UBND xã P1 về việc giải quyết khiếu nại của ông”.

Do vậy, Chủ tịch UBND huyện T7 không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2022/HC-ST ngày 03/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C về việc:

- Hủy Thông báo số 10/TB-UBND ngày 14/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P1, huyện T7, tỉnh Ninh Thuận về việc rà soát ý kiến phản ánh của ông Nguyễn Văn C tại dự án nhà máy điện mặt trời P2 (địa giới hành chính xã P1);

- Hủy Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P1, huyện T7, tỉnh Ninh Thuận về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn C, địa chỉ thường trú: Thôn T, xã P, huyện T1, tỉnh Ninh Thuận;

- Hủy Quyết định số 1251/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T7, tỉnh Ninh Thuận về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn C (lần 2).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 13/6/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận nhận đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Hải C1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ông C1 trình bày: Nguồn gốc sử dụng đất, người dân sử dụng nhiều mục đích, nhiều chức năng chứ không phải nhất thiết trồng cây, những bãi chăn thả, bãi giữ xe cũng được xem là quản lý sử dụng. Việc UBND xã cho rằng ông C không quản lý nhưng không đưa ra bằng chứng chứng minh ông C không quản lý trong khi ông C có quá trình sử dụng đất từ xưa đến nay, có tên trong Sổ mục kê và tại Công văn 155/UBND-NC ngày 20/6/2017 xã cũng xác định không công nhận việc đòi lại đất của bà Thị Phấn C2 và bà Nguyễn Thị M đề nghị Văn phòng Đăng ký đất đai đo đạc, cấp trích lục bản đồ cho ông C. Sau khi có dự án năng lượng mặt trời, UBND xã và UBND huyện không thông báo cho ông C biết các thửa đất 32a, 32 và 268c có bị thu hồi không, không hề nhắc ông C biết việc đăng ký kê khai đã được quy chủ cho người khác. Quá trình hợp xét tính pháp lý đất đai, UBND xã đã thể hiện là sẽ xét lại đất ông C có nghĩa rằng các thửa đất này không do UBND xã quản lý và việc bồi thường hỗ trợ cho bà C2 và bà M là tiền ngoài ngân sách không phải tiền của UBND tỉnh. Việc này là làm lợi cho một số đối tượng khác không phải vì mục tiêu chung. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại vì Theo Điều 100 Luật Đất đai thì đất ông C đủ điều kiện để được cấp GCNQSDĐ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C có bà Nguyễn Trương Hoài N trình bày: Về nguồn gốc sử dụng đất, tại Biên bản hội đồng tư vấn đất đai của xã P1 (bút lục 90, 91) thể hiện tên bà Nguyễn Thị H1 trong mục ghi chú có ghi quy chủ về đất của ông Nguyễn Văn C nên đất không thể do UBND xã P1 quản lý được. Về quá trình sử dụng ổn định lâu dài, UBND trình bày đất trồng là không hợp lý vì ở Ninh Thuận khí hậu nắng nóng không phải lúc nào cũng trồng cây được, có thể rào lại chăn nuôi cũng được xem là đang quản lý sử

dụng. Tại bút lục 06 - 07, có 15 hộ dân xác nhận năm 2020 ông C có thực tế quản lý sử dụng trồng bo bo và rào xương rồng trên khu đất này. Những người dân này tự ghi tên và ký tên vào. Theo bản đồ địa chính xã P1 được đo vẽ tháng 4/1996 thể hiện thửa đất 32 diện tích 5.535 m² thể hiện loại đất màu. Nếu là loại đất màu thì không thể do UBND xã P1 quản lý vì UBND xã không có chức năng canh tác như người dân.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND xã P1 có ông Nguyễn Thành T9 trình bày: Về nguồn gốc đất được sử dụng nhiều mục đích. Việc ông C trình bày có quá trình sử dụng đất nhưng thực tế ông C không có quá trình sử dụng đất ổn định. Tại thời điểm thực hiện dự án, ông C không phải là người đang sử dụng đất vì trong Biên bản kiểm tra sáng ngày 14/02/2014 có bộ phận địa chính, ông C thể hiện đất trống không canh tác, trên đất chỉ có cỏ dại. Đất không có dấu hiệu canh tác sử dụng. Chứng tỏ ông C không có quá trình sử dụng đất. Khi không phải là người đang sử dụng đất thì không được xem xét bồi thường, hỗ trợ theo quy định Luật Đất đai. Thứ hai, ông C1 cho rằng ông C có quá trình đăng ký đất đai nhưng thực tế ông C không có đăng ký đất đai. Chỉ phát sinh từ năm 2017 khi có đơn yêu cầu đo đạc, trước đó không có văn bản nào chứng minh ông C đã kê khai với xã, kể cả không nộp thuế nông nghiệp. Thứ ba, không công nhận đòi đất cũ. Xã không thừa nhận đòi đất cũ nhưng Chủ trương của UBND tỉnh có xem xét hỗ trợ đối với những trường hợp đã từng khai khẩn đất mà bị thu hồi thì được xem xét hỗ trợ công khai hoang. Trường hợp này đã được UBND tỉnh áp dụng đối với những người dân tộc Chăm. Trong danh sách có 73 hộ. Những trường hợp này không phải bồi thường, hỗ trợ theo quy định Luật Đất đai. Ông C1 cho rằng tiền này ngoài ngân sách, ông C1 căn cứ vào đâu để nói tiền này ngoài ngân sách. Khi xin chủ trương sẽ có văn bản chấp thuận từ đó sẽ có định hướng sử dụng đối với những nguồn kinh phí thực hiện việc hỗ trợ đối với những người dân tộc Chăm. Trong quá trình họp xét đất đai phải xác định lại để đảm bảo quy chủ đúng người sử dụng. Đất đai là sở hữu toàn dân và do Nhà nước quản lý, cấp xã thực hiện việc quản lý đất đai, đối với những trường hợp các cá nhân hộ gia đình không kê khai không thực hiện nghĩa vụ thì không có căn cứ xem xét.

Ông C1 trình bày: Công văn 155/UBND-NC ngày 20/6/2017 thể hiện rõ qua quá trình xác minh rà soát vụ việc UBND xã có ý kiến như sau: “.... UBND xã không thừa nhận việc đòi lại đất của 02 hộ Thị Phấn C2 và Nguyễn Thị M để đo đạc thực hiện kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên phần diện tích này...”. Việc trước đây UBND xã ký xác nhận yêu cầu trích lục bản đồ cho hai hộ nói trên là chưa chặt chẽ và có sai sót. UBND xã kiến nghị Văn phòng Đăng ký đất đai xem xét tiến hành đo đạc cho ông Nguyễn Văn C. Đây là ý kiến của UBND xã vào tháng 6/2017 khi chưa có dự án. Những người ở xung quanh đất của ông C có bà Nguyễn Thị L khẳng định: bà C2 thửa đất ở bờ lô để canh tác và nuôi dê cừu, gần đất của ông C cụ thể thửa đất số 32a, 32 và 268c thuộc tờ bản đồ số 9... Biên bản hồ sơ đo đạc của UBND có sự sai sót không đúng. Như vậy, quá trình sử dụng đất của ông C thứ nhất có đăng ký kê khai tại UBND có tên trong Sổ mục kê phù hợp với Điều 100 Luật Đất đai. Thứ

hai là có xác nhận của những người xung quanh. UBND xã cho rằng quản lý nhưng thực tế không có tài liệu thể hiện nông trường bàn giao thửa đất cho UBND xã quản lý nên việc UBND xã cho rằng quản lý là không phù hợp.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về kháng cáo của ông C: Thứ nhất, diện tích đất, ông C yêu cầu nằm trong diện tích đất được UBND tỉnh N1 ban hành theo Quyết định 4169/QĐ-KT giao cho UBND xã P1 quản lý. Trước đó theo Quyết định số 1049/QĐ/UB ngày 04/9/1981 của UBND tỉnh Thuận Hải cũ - nay là tỉnh Bình Thuận và tỉnh Ninh Thuận thuộc quyền quản lý của Nông trường Q. Tại phiên tòa hôm nay, các bên cũng đã trình bày tương đối đầy đủ về quá trình quản lý sử dụng đất. Trước hết về giấy tờ, Nhà nước có đầy đủ quy định về quản lý đất đai. Ông C chỉ có tài liệu duy nhất để xem xét là Sổ mục kê năm 2005, còn lại các vấn đề làm việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất chưa có kết quả cụ thể. Về quá trình quản lý sử dụng đất, đặc điểm địa bàn của Ninh Thuận cũng đã được trình bày nhưng quan trọng nhất UBND xã tại địa phương không công nhận quá trình sử dụng đất là rõ ràng. Địa phương không có tài liệu nào để công nhận. Tại phiên tòa hôm nay, địa phương cũng xác định ông C không có quá trình quản lý sử dụng đất ổn định. Với những quan điểm trên, đất nằm trong khu vực do UBND xã quản lý nên triển khai dự án xã cũng xác định không thuộc trường hợp bồi thường vì đất của Nhà nước thì Nhà nước thu hồi, đất của ông C không thuộc diện được công nhận quyền sử dụng đất và được bồi thường về đất. Án sơ thẩm xét xử có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện:*

Ông Nguyễn Văn C khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết hủy Thông báo số 10/TB-UBND ngày 14/02/2020, hủy Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 của Chủ tịch UBND xã P1 và hủy Quyết định số 1251/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện T7.

Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật Tố tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn C, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về trình tự thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định: đúng quy định pháp luật theo các căn cứ quy định tại Điều 7; Điều 17; Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1] Khu đất ông Nguyễn Văn C khiếu kiện thuộc một phần các thửa đất số 05, 25, 31, 32, 52, 53 tờ bản đồ địa chính số 08 xã P1, huyện Thuận Nam. Theo bản đồ địa chính xã P1: Thửa đất số 05, diện tích nguyên thửa 11.630m^2 , thể hiện là loại đất hoang (Hg); thửa đất số 25, diện tích nguyên thửa 2.640m^2 , thể hiện là loại đất màu (ĐM); thửa đất số 31, diện tích nguyên thửa 88.906m^2 , thể hiện là loại đất màu (ĐM); thửa đất số 32, diện tích nguyên thửa 5.535m^2 , thể hiện là loại đất màu (ĐM); thửa đất số 52, diện tích nguyên thửa 773m^2 , thể hiện là loại đất hoang (Hg); thửa đất số 53, diện tích nguyên thửa 3.616m^2 , thể hiện là loại đất màu (ĐM).

Hiện trạng đất: Đất trống, không có dấu hiệu canh tác nông nghiệp. Hiện nay, toàn bộ diện tích đất đã được Công ty Cổ phần công nghiệp năng lượng N1 san ủi thực hiện dự án nhà máy điện mặt trời P2.

[2.2.2] *Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất:*

Trước năm 1981, khu vực đất ông C khiếu kiện do các hộ người Chăm khai hoang. Từ năm 1981, diện tích đất thuộc Đội 4 của Nông trường Q (theo Quyết định số 1049/QĐ/UB ngày 04/9/1981 của UBND tỉnh Thuận Hải cũ - nay là tỉnh Bình Thuận và tỉnh Ninh Thuận). Do đất xấu nên không có ai canh tác, sử dụng, chỉ dùng làm đường đi. Thời điểm này, ông C đang làm công nhân cho Nông trường Quốc doanh Q, do đó, việc ông C cho rằng đất có nguồn gốc do ông khai hoang năm 1985 là không có cơ sở. Đến năm 1996, Nông trường Q giải thể. Ngày 22/12/1997, UBND tỉnh N1 ban hành Quyết định số 4169/QĐ-KT về việc thu hồi đất tại Nông trường Q giao cho UBND xã Phước Nam (nay là xã P1, huyện Thuận Nam) quản lý.

Từ năm 1997 cho đến khi thực hiện dự án nhà máy điện mặt trời P2, diện tích đất này do UBND xã P1 quản lý, không có hộ dân nào canh tác, sử dụng. Hộ bà Nguyễn Thị M và hộ bà Thị Phấn C2 tự ý vào lấy lại đất, ranh rào để canh tác nông nghiệp (trồng bắp, đậu ván, bo bo), việc sử dụng đất không liên tục do phụ thuộc vào thời tiết do vậy không đủ điều kiện để công nhận quyền sử dụng đất cho 02 hộ này. Khi thực hiện dự án nhà máy điện mặt trời P2, hộ bà M và hộ bà C2 được Nhà nước hỗ trợ công khai hoang và đã bàn giao đất để thực hiện dự án; thời điểm đó, ông Nguyễn Văn C không có hồ sơ tranh chấp quyền sử dụng đất với hộ bà Nguyễn Thị M và hộ bà Thị Phấn C2. Do vậy, các hộ dân này cũng không liên quan đến khiếu kiện của ông Nguyễn Văn C.

Theo bản đồ địa chính xã P1 và Sổ mục kê đất đai hiện đang lưu trữ tại UBND xã P1: Thửa đất số 05, 25, 31, 52, 53 tờ bản đồ địa chính số 08 xã P1 đều ghi tên chủ sử dụng đất là Nông trường Q và UBND xã P1. Riêng thửa đất số 32

tờ bản đồ địa chính số 08 xã P1 diện tích 5.535m² có tên chủ sử dụng đất ban đầu là Nông trường Q (đối chiếu khớp với Sổ mục kê đất đai lưu trữ tại Văn phòng Đăng ký đất đai Ninh Thuận). Sau đó, có người ghi đè lên và ghi Nguyễn Văn C. Tuy nhiên, việc chỉnh lý nội dung tên chủ sử dụng đất trong Sổ mục kê lưu trữ tại xã P1 thực hiện chưa đúng quy định do cột ghi chú không ghi chú thích nội dung có thay đổi. Ông C không cung cấp được các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; không thực hiện kê khai đăng ký đất đai tại vị trí các thửa đất số 05, 25, 31, 32, 52, 53 tờ bản đồ địa chính số 08 xã P1 theo quy định; đồng thời ông Nguyễn Văn C không phải là người đang sử dụng các thửa đất trên theo quy định tại Điều 101 Luật Đất đai năm 2013.

Tại cấp phúc thẩm, ông C có yêu cầu giám định chữ ký của ông trong biên bản làm việc về việc xác minh nguồn gốc đất đề cùng ngày 02/4/2019 và Kết luận giám định số 7148/KL-KTHS ngày 30/12/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện chữ viết họ tên Nguyễn Văn C và chữ ký mang tên Nguyễn Văn C do cùng một người viết và ký ra. Trong các biên bản này ông C cũng không có thể hiện các đất đang tranh chấp nêu trên.

Do đó, Thông báo số 10/TB-UBND ngày 14/02/2020 và Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 13/03/2020 của Chủ tịch UBND xã P1 không chấp nhận khiếu nại về quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn C là có cơ sở.

Chủ tịch UBND huyện T7 ban hành Quyết định số 1251/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn C theo hướng bác khiếu nại, công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 của Chủ tịch UBND xã P1 là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật. Ông C kháng cáo không đưa ra được chứng cứ để làm thay đổi nội dung vụ án.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông C, giữ nguyên án sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị.

[4] Về chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm: Ông C đã thực hiện xong.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông C là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30; 32; 116; Điều 193; khoản 1 Điều 241; Điều 348 và Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 7; Điều 17; Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn C. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2022/HC-ST ngày 03/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận, cụ thể như sau:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C về việc:

- Hủy Thông báo số 10/TB-UBND ngày 14/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P1, huyện T7, tỉnh Ninh Thuận về việc rà soát ý kiến phản ánh của ông Nguyễn Văn C tại dự án nhà máy điện mặt trời P2 (địa giới hành chính xã P1);

- Hủy Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 13/03/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P1, huyện T7, tỉnh Ninh Thuận về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn C, địa chỉ thường trú: Thôn T, xã P, huyện T1, tỉnh Ninh Thuận;

- Hủy Quyết định số 1251/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T7, tỉnh Ninh Thuận về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn C (lần 2).

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn C được miễn nộp tiền án phí hành chính sơ thẩm.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn C được miễn nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm.

Hoàn tạm nộp án phí 300.000 đồng cho ông C theo Biên lai thu số 0000525 ngày 20/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

4. Về chi phí tố tụng: Ông C đã thực hiện xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Cục THADS tỉnh Ninh Thuận;
- Đương sự;
- Lưu (An - Trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Ngọc Thu Hương